Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-30 08:05:30 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1308/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an tại Tờ trình số 319/TTr-BCA-C12 ngày 17 tháng 6 năm 2026 và Công văn số 3428/BCA-TTDLQG ngày 02 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Dữ liệu là tài nguyên chiến lược, là tài sản quốc gia, tư liệu sản xuất mới của nền kinh tế và nguồn lực phát triển mới của đất nước; là nền tảng của quản trị quốc gia hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên số, gắn chặt với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

2. Phát triển dữ liệu quốc gia là chiến lược lớn của Đảng và Nhà nước, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước; phát huy vai trò chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương, phân công rõ trách nhiệm, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả tạo lập, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu.

3. Phát triển, quản trị và khai thác hiệu quả dữ liệu phải gắn với phát triển trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, làm cơ sở hình thành các động lực tăng trưởng mới, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và tăng trưởng kinh tế hai con số.

4. Phát triển dữ liệu quốc gia phải gắn với việc phát triển đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng quốc gia, nhất là hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng trí tuệ nhân tạo và hạ tầng năng lượng là nền tảng cho phát triển kinh tế số, xã hội số và Chính phủ số. Ưu tiên xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc gia tập trung, an toàn, bảo mật, trong đó Trung tâm dữ liệu quốc gia là hạ tầng lõi bảo đảm cho xây dựng, hoạt động và điều phối của hệ sinh thái dữ liệu quốc gia; phát triển các nền tảng số dùng chung nhằm bảo đảm dữ liệu được thu thập, kết nối, khai thác và sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

5. Phát triển dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) là động lực chiến lược trong kỷ nguyên số; xây dựng AI có chủ quyền trên nền tảng dữ liệu quốc gia chất lượng cao, hạ tầng tính toán do Việt Nam làm chủ, năng lực làm chủ mô hình AI và hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, bảo đảm tự chủ công nghệ, an toàn, an ninh dữ liệu và chủ quyền số quốc gia.

6. Phát triển dữ liệu theo hướng hiện đại, mở, liên thông, dùng chung và bền vững; phát triển thị trường dữ liệu trở thành động lực thúc đẩy tạo lập, chia sẻ, lưu thông, khai thác và phát huy giá trị dữ liệu trong toàn bộ chuỗi giá trị dữ liệu; phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, hệ sinh

thái doanh nghiệp dữ liệu, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực, chủ động hội nhập quốc tế phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

7. Phát triển dữ liệu phải đi liền với bảo đảm chủ quyền số, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu khai thác hiệu quả dữ liệu với yêu cầu bảo vệ dữ liệu chủ động, từ sớm, từ xa, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; đồng thời bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

8. Phát triển nguồn nhân lực, làm chủ công nghệ xử lý và khai thác dữ liệu là các yếu tố quyết định để triển khai thành công Chiến lược. Ưu tiên phát triển đội ngũ các nhà khoa học và các chuyên gia trong lĩnh vực khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dữ liệu và tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển bền vững và toàn diện của quốc gia trong kỷ nguyên số.

II. TẦM NHÌN

1. Sau năm 2030, Việt Nam hình thành hệ sinh thái dữ liệu quốc gia thống nhất, hiện đại, an toàn, tin cậy, liên thông và dùng chung, trong đó Trung tâm dữ liệu quốc gia giữ vai trò hạ tầng lõi, hạt nhân điều phối; dữ liệu được quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng lại hiệu quả trên phạm vi toàn quốc, trở thành nền tảng cho quản trị quốc gia hiện đại; phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Chiến lược dữ liệu quốc gia trở thành một cấu phần nền tảng trong các chiến lược phát triển quốc gia, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực quản trị quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và công dân số; đồng thời bảo đảm chủ quyền số, an ninh dữ liệu, an toàn xã hội, hình thành năng lực tự chủ chiến lược về dữ liệu, công nghệ dữ liệu và AI, qua đó nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Việt Nam hình thành hệ sinh thái dữ liệu quốc gia thống nhất, hiện đại, an toàn, tin cậy, liên thông và dùng chung; phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho dữ liệu, nền tảng dữ liệu và hạ tầng tính toán dùng chung theo kiến trúc thống nhất. Phát huy dữ liệu trở thành tài nguyên chiến lược, tư liệu sản xuất quan trọng và động lực mới cho quản trị quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo,

điện toán hiệu năng cao và các công nghệ số chiến lược trong phân tích, dự báo, hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ thông minh. Phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và thị trường dữ liệu; từng bước tự chủ, làm chủ công nghệ, hạ tầng AI, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, nền tảng và sản phẩm dữ liệu cốt lõi; bảo đảm an ninh, an toàn, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu quốc gia, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững trong kỷ nguyên số.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2030

- Nhóm mục tiêu về hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị dữ liệu

+ Hoàn thành 100% việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật cốt lõi (Luật, Nghị định, Thông tư) và ban hành đầy đủ hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu; bảo đảm hài hòa giữa tạo lập, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu với bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

+ 100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc ban hành Chiến lược dữ liệu, Khung kiến trúc và Khung quản trị, quản lý dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh; 100% Từ điển dữ liệu của bộ, ngành, địa phương được công bố và kết nối thành công, tuân thủ chặt chẽ Từ điển dữ liệu quốc gia dùng chung.

+ 100% bộ, ngành, địa phương được đánh giá, xếp hạng hằng năm về mức độ phát triển và chất lượng dữ liệu; 100% cơ quan, tổ chức xử lý từ 01 triệu bản ghi dữ liệu trở lên được kiểm toán dữ liệu định kỳ với chu kỳ 02 năm một lần.

- Nhóm mục tiêu về phát triển cơ sở dữ liệu và nền tảng dữ liệu dùng chung

+ 100% cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu và dữ liệu dùng chung thuộc danh mục được phê duyệt hoàn thành việc số hóa, chuẩn hóa, làm sạch theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống"; bảo đảm 100% dữ liệu thuộc phạm vi này được đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia và khai thác thống nhất thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (NDOP), trừ các trường hợp đặc thù được cấp có thẩm quyền cho phép kết nối trực tiếp.

+ Đưa vào vận hành Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; bảo đảm 100% thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp dựa trên việc khai thác, sử dụng lại thông tin từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để thực hiện triệt để nguyên tắc "dữ liệu thay giấy tờ", góp phần cắt giảm thành phần hồ sơ và đơn giản hóa thủ tục hành chính, từng bước hình thành năng lực phân tích, dự báo chiến lược quốc gia phục vụ hoạch định chính sách.

- Nhóm mục tiêu về phát triển hạ tầng dữ liệu và hạ tầng tính toán quốc gia

+ Hoàn thành xây dựng, đưa vào vận hành chính thức 03 Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình tại Nghị quyết số 175/NQ-CP.

+ Hoàn thành thiết lập hạ tầng tính toán hiệu năng cao và hạ tầng trí tuệ nhân tạo tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; ban hành cơ chế và cung cấp quyền truy cập, sử dụng tài nguyên tính toán dùng chung cho 100% các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu và tổ chức đủ điều kiện để phục vụ xử lý dữ liệu lớn, huấn luyện và triển khai các mô hình AI.

+ Hạ tầng dữ liệu quốc gia được kết nối đồng bộ với các hạ tầng thiết yếu (truyền dẫn, năng lượng, số, an ninh mạng); bảo đảm 100% dữ liệu cốt lõi, nền tảng số trọng yếu được thiết lập cơ chế dự phòng nhiều lớp tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; có khả năng duy trì hoạt động liên tục và khôi phục các dịch vụ dữ liệu thiết yếu trong thời gian không quá 04 giờ sau khi xảy ra sự cố, thảm họa, bảo đảm an ninh, chủ quyền dữ liệu quốc gia.

+ 100% cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu sử dụng hạ tầng dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng trí tuệ nhân tạo và các nền tảng dùng chung quốc gia theo lộ trình, bảo đảm thống nhất về kiến trúc, kỹ thuật, an ninh, an toàn và hiệu quả đầu tư.

- Nhóm mục tiêu về phát triển dữ liệu và hạ tầng phục vụ trí tuệ nhân tạo

+ Bảo đảm 100% các tập dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở quốc gia được chuẩn hóa, bảo đảm chất lượng dễ tiếp cận, dễ khai thác và có khả năng sử dụng lại để cung cấp nguyên liệu phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, phát triển, huấn luyện, kiểm thử các mô hình trí tuệ nhân tạo (AI), đổi mới sáng tạo và thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới góp phần phát triển kinh tế số và xã hội số.

+ Hoàn thành việc chuẩn hóa, làm sạch, gắn nhãn và ẩn danh đối với 100% các bộ dữ liệu thuộc Danh mục bộ dữ liệu phục vụ phát triển AI trong các lĩnh vực thiết yếu (tiếng Việt, internet vạn vật, thời gian thực...) và được tích hợp lên Kho dữ liệu AI quốc gia.

+ Khai thác Kho dữ liệu AI để hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp AI và công nghệ dữ liệu Việt Nam; hỗ trợ phát triển, huấn luyện thành công tối thiểu 150 sản phẩm, dịch vụ dữ liệu và mô hình AI "Make in Vietnam".

- Nhóm mục tiêu về phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và thị trường dữ liệu

+ 100% các cơ quan nhà nước cấp bộ, cấp tỉnh cung cấp dữ liệu mở bảo đảm chất lượng (không trùng lặp, dư thừa, không tốn công sức và chi phí để xử lý lại dữ liệu, hoặc thu thập lại dữ liệu), thực hiện công bố dữ liệu mở thường xuyên trên Cổng dữ liệu mở quốc gia.

+ 90% các di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được số hoá, lưu trữ đầy đủ dữ liệu và hình thành thư viện số, di sản số, có hiện diện số trên môi trường mạng để mọi người dân, khách du lịch có thể truy cập, tra cứu, tìm hiểu thuận lợi trên môi trường số; 100% các danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch trong nước được hoàn thành việc số hóa, lưu trữ và chia sẻ thông tin rộng rãi, kết hợp xây dựng các nền tảng số du lịch đồng bộ để quảng bá, phát triển du lịch Việt Nam, đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững.

+ Hoàn thiện 100% cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Dữ liệu về sổ lao động điện tử được bảo đảm chuẩn hóa, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề (bao gồm cả đào tạo tại trường và đào tạo, tích lũy kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho 100% người lao động đóng bảo hiểm xã hội.

+ Kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập của ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến, bảo đảm hỗ trợ cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông và tối thiểu 40% số ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

+ 95% dữ liệu về y tế được xây dựng, tổ chức phù hợp với định hướng phân cấp quản lý từ trung ương đến địa phương để phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế, phấn đấu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử đạt 100%.

+ Đưa vào vận hành tối thiểu 05 sàn dữ liệu theo quy định của pháp luật, hình thành thị trường dữ liệu minh bạch, an toàn, có kiểm soát.

+ Phát triển ít nhất 1.000 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ dữ liệu, phân tích dữ liệu, nền tảng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ dữ liệu và trí tuệ nhân tạo. Phát triển tối thiểu 30 tổ chức trung gian dữ liệu tham gia thu thập, xử lý, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, phân tích và khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Nhóm mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực dữ liệu

+ Đào tạo, bồi dưỡng tối thiểu 50.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực quản trị, phân tích và khai thác dữ liệu theo Khung đào tạo quản

trị dữ liệu cấp quốc gia; đào tạo kỹ năng dữ liệu, phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho khoảng 300.000 lượt người lao động trong doanh nghiệp.

+ Hình thành đội ngũ tối thiểu 5.000 chuyên gia dữ liệu nòng cốt trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và tổ chức khoa học và công nghệ.

+ Có trên 50 cơ sở giáo dục đại học đào tạo các ngành, chuyên ngành về khoa học dữ liệu, quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, điện toán hiệu năng cao và an ninh dữ liệu.

- Nhóm mục tiêu về bảo đảm an ninh và chủ quyền dữ liệu

+ Đưa vào vận hành Hệ thống giám sát an ninh dữ liệu quốc gia hoạt động 24/7 để quản trị, điều phối tập trung; trên 90% hệ thống thông tin chứa dữ liệu cốt lõi đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn bảo vệ, bảo đảm vững chắc an ninh mạng, an ninh dữ liệu và chủ quyền dữ liệu quốc gia.

+ 100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương được phê duyệt cấp độ, kết nối giám sát, cảnh báo sự cố và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu theo quy định, được kết nối giám sát, cảnh báo và hỗ trợ ứng cứu sự cố thông qua hệ thống giám sát tập trung có thẩm quyền.

+ Thiết lập và áp dụng cơ chế kiểm soát toàn bộ vòng đời dữ liệu đối với 100% cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống dữ liệu trọng yếu; bảo đảm mọi lịch sử xử lý, khai thác dữ liệu đều có thể truy xuất và cung cấp công cụ trực tuyến để người dân, tổ chức trực tiếp giám sát việc sử dụng dữ liệu của mình.

b) Mục tiêu đến năm 2045

- 100% hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị và điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước được hỗ trợ bởi dữ liệu; tối thiểu 90% quyết định, chính sách quan trọng được xây dựng, đánh giá và dự báo trên cơ sở phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

- 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp toàn trình trên môi trường điện tử; tối thiểu 90% dịch vụ công thiết yếu được cung cấp chủ động, tự động hoặc cá nhân hóa dựa trên dữ liệu; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt từ 99% trở lên.

- Việt Nam làm chủ tối thiểu 80% nền tảng, công nghệ và sản phẩm cốt lõi phục vụ quản trị, lưu trữ, xử lý, phân tích và bảo vệ dữ liệu; có năng lực tự chủ về điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng AI, mô hình AI và an ninh dữ liệu.

- Việt Nam thuộc nhóm 30 quốc gia dẫn đầu về năng lực quản trị, khai thác dữ liệu và phát triển trí tuệ nhân tạo; trở thành một trung tâm quan trọng

trong khu vực về lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ và trung chuyển dữ liệu xuyên biên giới.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách

a) Nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Dữ liệu và các cơ chế, chính sách có liên quan đến dữ liệu nhằm hoàn thiện đồng bộ thể chế, chính sách và cơ sở pháp lý về dữ liệu, đáp ứng yêu cầu phát triển dữ liệu quốc gia; hoàn thiện cơ chế, chính sách để các bộ, ngành, địa phương sử dụng thống nhất hạ tầng dữ liệu, hạ tầng tính toán, hạ tầng AI và các nền tảng dùng chung quốc gia, bảo đảm thống nhất về kiến trúc, kỹ thuật, an ninh, an toàn và hiệu quả đầu tư.

b) Xây dựng, ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu.

c) Xây dựng Thông tư quy định về phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; nghiên cứu cơ chế miễn, giảm hoặc áp dụng mức phí phù hợp đối với một số hoạt động khai thác dữ liệu phục vụ lợi ích công cộng, an toàn hệ thống tài chính, phòng, chống rửa tiền và quản lý rủi ro theo quy định của pháp luật.

d) Xây dựng định mức kinh tế, kỹ thuật về dữ liệu phục vụ AI; đầu tư, xây dựng và quản trị, vận hành, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về AI.

đ) Sửa đổi Quyết định số 20/2025/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2025 ban hành danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng bảo đảm phù hợp với thực tiễn.

e) Nghiên cứu, đề xuất ban hành Nghị quyết đặc thù của Quốc hội về Trung tâm dữ liệu quốc gia, tạo cơ sở pháp lý vượt trội về thể chế, tổ chức, đầu tư, tài chính, công nghệ và nhân lực để Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện vai trò hạ tầng lõi, hạt nhân điều phối dữ liệu quốc gia.

g) Hoàn thiện thể chế, tiêu chuẩn, quy chuẩn và cơ chế quản lý dữ liệu mở.

h) Xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện danh mục dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực, địa phương, bảo đảm dữ liệu mở được cung cấp đầy đủ, chuẩn hóa, dễ tiếp cận, dễ khai thác và sử dụng lại, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

i) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Kiểm soát thủ tục hành chính để bảo đảm cơ sở pháp lý, phục vụ cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

k) Xây dựng, triển khai cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ theo mô hình phối hợp giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, làm chủ và thương mại hóa công nghệ lõi, công nghệ chiến lược phục vụ hạ tầng dữ liệu quốc gia.

l) Nghiên cứu, xây dựng môi trường thử nghiệm công nghệ cho các bộ, ngành, địa phương tại Trung tâm dữ liệu quốc gia trước khi đưa cơ sở dữ liệu, phần mềm, nền tảng số và các hệ thống thông tin vào vận hành chính thức.

m) Nghiên cứu, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn về ẩn danh hóa, vô danh hóa, mã hóa dữ liệu nhằm phục vụ chia sẻ, khai thác và lưu chuyển dữ liệu an toàn, phù hợp với yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và chủ quyền dữ liệu.

n) Nghiên cứu cơ chế sử dụng nguồn lực nhà nước, Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia và các nguồn lực hợp pháp khác để tiếp cận, khai thác hoặc sử dụng các tập dữ liệu có giá trị cao phục vụ quản lý nhà nước, phát triển AI, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế dữ liệu theo quy định của pháp luật.

o) Xây dựng cơ chế phối hợp, phản ứng nhanh liên ngành đối với các sự cố mất an ninh, an toàn dữ liệu, lộ lọt dữ liệu quy mô lớn nhằm bảo đảm khả năng phát hiện sớm, cảnh báo, xử lý và khắc phục kịp thời các sự cố ảnh hưởng đến hạ tầng dữ liệu quốc gia.

p) Nghiên cứu, hoàn thiện quy định về kiểm tra, giám sát và kiểm toán dữ liệu định kỳ đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xử lý dữ liệu quy mô lớn hoặc có mức độ rủi ro cao. Nội dung kiểm toán bao gồm chất lượng dữ liệu, an ninh, an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phân loại dữ liệu, quản lý quyền truy cập, tuân thủ pháp luật và đánh giá tác động đối với các hệ thống AI có rủi ro cao.

2. Phát triển hạ tầng và nền tảng dữ liệu quốc gia

a) Xây dựng, vận hành và quản trị 03 Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình tại Nghị quyết số 175/NQ-CP của Chính phủ; nghiên cứu, đề xuất xây dựng, triển khai Trung tâm dữ liệu dự phòng chiến lược quốc gia phục vụ các tình huống thảm họa, chiến tranh, sự cố nghiêm trọng, gián đoạn quy mô lớn và Trung tâm dữ liệu quốc tế.

b) Triển khai, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và ứng dụng số kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia, bảo đảm quản lý thống nhất, hạn chế tối đa đầu tư phân tán, trùng lặp.

c) Xây dựng và phát triển hạ tầng AI dùng chung phục vụ Chính phủ, bao gồm các nền tảng, mô hình và dịch vụ AI cốt lõi, được triển khai tập trung tại

Trung tâm dữ liệu quốc gia, phục vụ quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, phân tích, dự báo và hỗ trợ ra quyết định.

d) Xây dựng hạ tầng truyền dẫn dữ liệu cấp quốc gia theo thời gian thực, bảo đảm các Trung tâm dữ liệu quốc gia được kết nối, chia sẻ, đồng bộ và điều phối dữ liệu tức thời, liên tục, an toàn, tin cậy; ưu tiên sử dụng các công nghệ truyền dẫn, đồng bộ và điều phối dữ liệu do Việt Nam nghiên cứu, sản xuất và từng bước làm chủ.

đ) Phát triển hạ tầng tính toán hiệu năng cao (HPC) tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, phục vụ xử lý dữ liệu lớn, phát triển và ứng dụng AI trong quản lý nhà nước, phân tích, dự báo và hỗ trợ ra quyết định; chủ động nghiên cứu, từng bước làm chủ, ứng dụng các công nghệ chiến lược mới nhằm nâng cao năng lực xử lý dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu, an ninh mạng, đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn.

e) Triển khai áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế trong thu thập, xử lý dữ liệu; thúc đẩy phát triển hạ tầng tính toán biên (Edge Computing), cơ chế hợp tác công - tư (PPP), cơ chế thử nghiệm AI có kiểm soát (AI Sandbox) và cơ chế tiếp cận hạ tầng HPC, dữ liệu AI phục vụ phát triển hệ sinh thái AI và đổi mới sáng tạo.

g) Xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc phòng phục vụ lưu trữ, chia sẻ, tích hợp, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu thuộc lĩnh vực quốc phòng.

h) Hoàn thiện, vận hành Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia thống nhất làm đầu mối kết nối dữ liệu trong toàn hệ thống chính trị; quy định rõ các trường hợp đặc thù được phép kết nối trực tiếp; bảo đảm khả năng dự phòng và duy trì hoạt động liên tục của hạ tầng chia sẻ dữ liệu quốc gia.

3. Phát triển dữ liệu

a) Ưu tiên hoàn thiện, phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các bộ dữ liệu trọng yếu, có giá trị cao, tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, bảo đảm nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" và được đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

b) Thường xuyên rà soát, xác định danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu, danh mục dữ liệu dùng chung trong đó xác định rõ lộ trình triển khai, phạm vi của các cơ sở dữ liệu để làm căn cứ triển khai thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

c) Tổ chức, tạo lập, chuẩn hóa, làm sạch, làm giàu và quản trị thống nhất dữ liệu theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", bảo đảm hình thành nguồn dữ liệu gốc, dữ liệu chuẩn và dữ liệu tham chiếu chuẩn

của quốc gia. Việc chuẩn hóa, làm sạch, làm giàu và đồng bộ dữ liệu được triển khai theo lộ trình phù hợp với đặc thù từng ngành, lĩnh vực; ưu tiên trước đối với dữ liệu cấu trúc, dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước và dữ liệu dùng chung.

d) Nghiên cứu hình thành các không gian dữ liệu chung (Data Spaces) trong một số lĩnh vực trọng điểm; không để phát sinh các mô hình kết nối phân tán, cục bộ, chồng chéo.

đ) Xây dựng, công bố, ban hành, chuẩn hóa và vận hành Từ điển dữ liệu quốc gia dùng chung để chuẩn hóa dữ liệu trên phạm vi toàn quốc. Công bố, kết nối từ điển dữ liệu của ngành, lĩnh vực, địa phương theo chuẩn quốc gia, bảo đảm thống nhất về khái niệm, cấu trúc, định nghĩa, mã định danh, tiêu chuẩn và mô hình dữ liệu.

e) Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác; thực hiện nguyên tắc "dữ liệu thay giấy tờ", cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách dựa trên dữ liệu; đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ dữ liệu có giá trị gia tăng.

g) Triển khai Danh mục bộ dữ liệu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực thiết yếu; tổ chức tạo lập, thu thập, tích hợp, chuẩn hóa, làm sạch, làm giàu, gắn nhãn, ẩn danh hoặc khử nhận dạng dữ liệu phù hợp, bảo đảm yêu cầu về chất lượng, pháp lý, an ninh, an toàn và bảo vệ dữ liệu cá nhân, phục vụ nghiên cứu, huấn luyện, kiểm thử, đánh giá và phát triển các mô hình trí tuệ nhân tạo.

h) Thiết lập cơ chế bắt buộc sao lưu, dự phòng đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng và các nền tảng số trọng yếu của quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.

i) Hằng năm tổ chức đánh giá, xếp hạng chất lượng dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương; gắn kết quả xếp hạng với trách nhiệm của người đứng đầu, mức độ tuân thủ kiến trúc dữ liệu, khung quản trị, quản lý dữ liệu, mức độ kết nối, chia sẻ, dùng chung.

k) Đưa vào vận hành Cổng dữ liệu mở quốc gia phục vụ công bố dữ liệu mở; hướng dẫn, giám sát, đánh giá chất lượng dữ liệu mở của các bộ, ngành, địa phương.

l) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống phục vụ kiểm tra, kiểm toán, giám sát và triển khai bảo đảm thực thi pháp luật về dữ liệu.

m) Xây dựng, vận hành và quản trị Kho dữ liệu AI quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, tạo điều kiện để các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, viện

nghiên cứu và cơ sở đào tạo khai thác, sử dụng các bộ dữ liệu chất lượng cao theo cơ chế được cấp có thẩm quyền quy định.

4. Nhiệm vụ cụ thể về phát triển kinh tế dữ liệu và thị trường dữ liệu

a) Tổ chức xây dựng và đưa vào vận hành 05 sàn dữ liệu; ưu tiên thí điểm trong một số lĩnh vực trọng điểm và nhu cầu thực tiễn, bảo đảm giao dịch minh bạch, an toàn, đúng pháp luật và có khả năng sử dụng lại dữ liệu ở quy mô lớn.

b) Thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới dựa trên dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm như tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, nông nghiệp, công nghiệp, logistics, đô thị thông minh và dịch vụ công.

c) Nghiên cứu thí điểm các mô hình định giá, giao dịch, thương mại hóa dữ liệu, cung cấp dịch vụ tính toán và phát triển các tổ chức trung gian dữ liệu phù hợp với điều kiện Việt Nam.

5. Nhiệm vụ cụ thể về phát triển nguồn nhân lực dữ liệu

a) Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ về dữ liệu đối với các nội dung liên quan đến quản trị dữ liệu, quản lý dữ liệu, an toàn, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, khai thác dữ liệu, ứng dụng dữ liệu và AI phục vụ triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia cho đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ.

b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực quản trị, phân tích, khai thác dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo; nâng cao kỹ năng dữ liệu cho người lao động trong doanh nghiệp, ưu tiên các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

c) Đào tạo chuyên gia dữ liệu nòng cốt; phát triển các cơ sở giáo dục đại học các ngành, chuyên ngành về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, điện toán hiệu năng cao và an ninh dữ liệu, gắn với tăng cường liên kết đào tạo, nghiên cứu giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu và doanh nghiệp.

d) Thành lập, kiện toàn đầu mối, lực lượng chuyên trách về dữ liệu và chuyển đổi số tại các đơn vị là chủ quản cơ sở dữ liệu; phân công rõ đơn vị, đầu mối chịu trách nhiệm quản lý, triển khai nhiệm vụ về dữ liệu và chuyển đổi số, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, hiệu quả; việc kiện toàn được thực hiện trên cơ sở tổ chức hiện có, không làm tăng đầu mối tổ chức và biên chế.

đ) Xây dựng và áp dụng cơ chế đặc thù, vượt trội về tiền lương, thu nhập và đãi ngộ đối với đội ngũ trực tiếp xây dựng, quản trị, vận hành, bảo vệ dữ liệu quốc gia; nghiên cứu cơ chế bồi dưỡng, thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, người lao động tại các đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia khi dữ liệu được

đồng bộ, lưu trữ, vận hành tập trung trên hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

e) Nghiên cứu cơ chế trao đổi, hợp tác nhân lực giữa khu vực công và khu vực tư nhân trong lĩnh vực dữ liệu, AI và công nghệ số nhằm thu hút chuyên gia chất lượng cao tham gia triển khai các nhiệm vụ, dự án dữ liệu quốc gia.

g) Thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và tổ chức khoa học và công nghệ trong phát triển nguồn nhân lực dữ liệu, hình thành văn hóa dữ liệu trong khu vực công và toàn xã hội, khuyến khích đổi mới sáng tạo, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu, phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số.

h) Hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức quốc tế để tạo cơ hội thực hành, thực tập, trao đổi chuyên gia và kỹ thuật, cũng như tiếp cận với những công nghệ và phương pháp mới, tiên tiến nhất của thế giới về dữ liệu.

6. Nhiệm vụ cụ thể về bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và chủ quyền dữ liệu

a) Tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu quốc gia; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân; chủ động phòng ngừa, phát hiện, ứng phó, khắc phục sự cố, bảo đảm hoạt động an toàn, liên tục của Trung tâm dữ liệu quốc gia và các hệ thống dữ liệu trọng yếu.

b) Xây dựng, vận hành Hệ thống giám sát an ninh dữ liệu quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, thực hiện giám sát đối với các hệ thống và luồng dữ liệu quan trọng; ứng dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để phân tích, phát hiện sớm dấu hiệu bất thường, nguy cơ tấn công, lộ lọt, mất mát hoặc can thiệp trái phép vào dữ liệu; kết nối, chia sẻ cảnh báo với các hệ thống giám sát có thẩm quyền, nâng cao năng lực ứng cứu và phục hồi sau sự cố.

c) Xây dựng hạ tầng bảo vệ và mã hóa dữ liệu toàn diện, bảo đảm dữ liệu được bảo vệ trong quá trình tạo lập, truyền dẫn, lưu trữ, xử lý, chia sẻ và khai thác; triển khai cơ chế xác thực, phân quyền, kiểm soát truy cập, sao lưu, dự phòng nhiều lớp và phục hồi sau thảm họa.

d) Xây dựng phương án bảo đảm tính toàn vẹn, tính sẵn sàng và khả năng phục hồi của dữ liệu trong mọi tình huống; tổ chức diễn tập định kỳ các phương án ứng phó với thiên tai, hỏa hoạn, tấn công mạng, phá hoại, lỗi hệ thống và sự cố gián đoạn quy mô lớn; gắn nhiệm vụ bảo vệ dữ liệu với toàn bộ vòng đời dữ liệu, từ tạo lập, lưu trữ, chia sẻ, khai thác đến sao lưu, dự phòng và hủy bỏ.

đ) Thực hiện nghiên cứu, xây dựng công cụ kiểm thử, đánh giá kỹ thuật và an toàn đối với mô hình AI, nhất là các hệ thống AI sử dụng trong lĩnh vực có

rủi ro cao; phát triển tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đào tạo năng lực đánh giá tác động AI và thúc đẩy hợp tác quốc tế về an toàn AI.

e) Xây dựng cơ chế kiểm soát, giám sát và minh bạch hóa hoạt động khai thác dữ liệu; tích hợp chức năng nhật ký truy cập và quản lý ủy quyền dữ liệu trên nền tảng VNeID hoặc nền tảng định danh số phù hợp. Mọi hoạt động truy cập, khai thác, chia sẻ, chỉnh sửa và đồng bộ dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia phải được xác thực, phân quyền, ghi nhận, lưu vết và giám sát; từng bước cho phép cá nhân, tổ chức kiểm tra lịch sử khai thác dữ liệu và quản lý việc ủy quyền sử dụng dữ liệu của mình theo quy định của pháp luật.

g) Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ tăng cường bảo vệ quyền riêng tư trong xử lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu, bao gồm tính toán bảo mật đa bên, học máy liên kết, dữ liệu tổng hợp, mã hóa đồng hình và các công nghệ phù hợp khác, phục vụ khai thác dữ liệu và phát triển AI an toàn.

h) Kiện toàn lực lượng chuyên trách, nâng cao năng lực kỹ thuật và thiết lập cơ chế phối hợp giữa cơ quan trung ương, địa phương, doanh nghiệp và các đơn vị vận hành hạ tầng dữ liệu trong bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và ứng cứu sự cố; tăng cường chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và hợp tác quốc tế phù hợp với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền dữ liệu quốc gia.

7. Ứng dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

a) Giai đoạn 2026 - 2027: Tập trung khai thác Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia phục vụ cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; triển khai cơ chế "dữ liệu thay giấy tờ", "khai một lần, sử dụng nhiều lần"; phát triển dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công chủ động trên cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ, xác thực và sử dụng thống nhất. Từng bước chuyển từ mô hình cung cấp dịch vụ công theo yêu cầu sang mô hình phục vụ chủ động, cá thể hóa theo dữ liệu, cho phép cơ quan nhà nước chủ động nhận diện nhu cầu, tự động hỗ trợ, nhắc việc, giải quyết thủ tục và cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu số đã có.

b) Giai đoạn 2027 - 2028: Tập trung khai thác, phân tích và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia phục vụ công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và điều hành quốc gia; phát hiện sớm các nguy cơ, dấu hiệu bất thường, hành vi gian lận, rủi ro an ninh, an toàn xã hội và các vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước; phát triển các công cụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định trên cơ sở dữ liệu lớn nhằm hỗ xây dựng chính sách, hoạch định chiến lược phát triển và điều hành kinh tế - xã hội theo hướng chủ động, linh hoạt, kịp thời và dựa trên dữ liệu.

c) Giai đoạn 2028 - 2030: Đẩy mạnh khai thác, sử dụng lại Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số và các mô hình kinh doanh mới dựa trên dữ liệu; hỗ trợ phát triển thị trường dữ liệu, sàn giao dịch

dữ liệu, các dịch vụ dữ liệu và hệ sinh thái doanh nghiệp dữ liệu. Trong đó tập trung khai thác dữ liệu phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm như tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, nông nghiệp, công nghiệp, logistics, thương mại điện tử, đô thị thông minh và dịch vụ công, phục vụ nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế.

d) Từ năm 2030 và các năm tiếp theo: Tổ chức khai thác, quản trị và sử dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, các bộ dữ liệu lớn, dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung và dữ liệu chuyên ngành phục vụ nghiên cứu, phát triển, huấn luyện, kiểm thử và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Hình thành hệ sinh thái dữ liệu phục vụ AI quốc gia gắn với Trung tâm dữ liệu quốc gia, hạ tầng HPC và hạ tầng AI dùng chung; ưu tiên phát triển các mô hình AI "Make in Vietnam" trên cơ sở dữ liệu Việt Nam, phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia; thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và cộng đồng đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về dữ liệu, kết nối dữ liệu xuyên biên giới phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

8. Tăng cường hợp tác quốc tế về dữ liệu

a) Hoàn thiện và tổ chức thực thi hiệu quả cơ chế hợp tác, kết nối, chia sẻ và chuyển dữ liệu xuyên biên giới trong các lĩnh vực như an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao, bảo vệ dữ liệu, phòng, chống thông tin xấu độc, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và bảo đảm quyền lợi người dân, doanh nghiệp Việt Nam trong không gian số; đơn giản hóa thủ tục, thiết lập hành lang pháp lý để dữ liệu được lưu chuyển hợp pháp phục vụ quản lý nhà nước, thương mại, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Thiết lập, mở rộng quan hệ đối tác chiến lược với các quốc gia, tổ chức quốc tế và tập đoàn công nghệ có thế mạnh về dữ liệu; thúc đẩy hợp tác phát triển cơ sở dữ liệu, hạ tầng dữ liệu, ứng dụng và khai thác dữ liệu, đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản trị dữ liệu tiên tiến. Gắn hợp tác quốc tế về dữ liệu với ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ, thu hút đầu tư chất lượng cao, phát triển thị trường dữ liệu và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

c) Chủ động, tích cực tham gia các diễn đàn, tổ chức và sáng kiến quốc tế về dữ liệu; tham gia xây dựng các nguyên tắc, tiêu chuẩn và cơ chế quản trị dữ liệu khu vực, toàn cầu, góp phần nâng cao vai trò, uy tín và vị thế của Việt Nam trong các diễn đàn, sáng kiến, mạng lưới khu vực và toàn cầu về dữ liệu.

d) Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, các tập đoàn công nghệ toàn cầu, viện nghiên cứu, trường đại học và chuyên gia quốc tế hàng đầu trên thế giới để tiếp nhận tri thức trong lĩnh vực dữ liệu, trí tuệ nhân

tạo, điện toán đám mây, điện toán hiệu năng cao, đào tạo nhân lực chất lượng cao và an ninh dữ liệu; hình thành môi trường đầu tư, nghiên cứu và làm việc có tính cạnh tranh quốc tế.

đ) Nghiên cứu, triển khai các giải pháp đưa Việt Nam trở thành trung tâm dữ liệu của khu vực ASEAN; thu hút các tập đoàn công nghệ đặt trung tâm dữ liệu, trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam; phát triển dịch vụ lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ và trung chuyển dữ liệu khu vực, bảo đảm tuân thủ pháp luật Việt Nam, an ninh quốc gia và chủ quyền dữ liệu.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chiến lược được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Kinh phí thực hiện Chiến lược được lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án có liên quan; sử dụng Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ của Chiến lược.

3. Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác từ xã hội, doanh nghiệp, hợp tác công - tư và hợp tác quốc tế để triển khai Chiến lược dữ liệu theo quy định của pháp luật.

4. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Chiến lược bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

5. Đối với các bộ, ngành có hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đặc thù về quốc phòng, an ninh, việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách đặc thù của lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Công an

a) Là cơ quan thường trực giúp Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia trên phạm vi toàn quốc sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành.

b) Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành và phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia, các nền tảng dữ liệu dùng chung, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng tính toán và hạ tầng AI dùng chung quốc gia; tổ chức điều phối, kết nối, chia sẻ, khai thác

dữ liệu thông qua Trung tâm dữ liệu quốc gia và Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

c) Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến quản trị dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu theo nhiệm vụ được giao trong Chiến lược dữ liệu quốc gia.

d) Tổ chức đánh giá, xếp hạng hằng năm mức độ phát triển và chất lượng dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương; tổ chức kiểm toán dữ liệu theo quy định của pháp luật; tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

đ) Bảo đảm cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, an ninh, an toàn dữ liệu quốc gia giữa các bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai các nhiệm vụ của chiến lược dữ liệu quốc gia.

e) Chủ trì xây dựng, triển khai các giải pháp công nghệ để theo dõi, thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá được các mục tiêu, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chiến lược trên môi trường số, bảo đảm tự động tối đa, kịp thời, công khai, minh bạch.

g) Chủ trì triển khai các giải pháp giám sát, điều hành, phát hiện, cảnh báo và ứng cứu sự cố đối với hạ tầng số quan trọng, nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin thiết yếu.

h) Chủ trì tổ chức truyền thông, phổ biến, nâng cao nhận thức, đào tạo, bồi dưỡng năng lực về dữ liệu phục vụ thực hiện Chiến lược.

i) Chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 319/TTr-BCA-C12 ngày 17 tháng 6 năm 2026 và Công văn số 3428/BCA-TTDLQG ngày 02 tháng 7 năm 2026.

k) Hằng năm xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện Chiến lược; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược khi cần thiết.

2. Bộ Quốc phòng

a) Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu, quản trị dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ trì quản lý hoạt động lưu trữ, bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; quản lý, theo dõi, giám sát, tổ chức thực hiện kết nối, chia sẻ, điều phối dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương

a) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật hiện hành. Tổ chức rà soát, cập nhật Chiến lược dữ liệu của bộ, ngành, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Chiến lược dữ liệu quốc gia.

b) Rà soát, đánh giá toàn diện các cơ sở dữ liệu đã xây dựng, đang xây dựng, cần xây dựng mới, trên cơ sở đó loại bỏ những cơ sở dữ liệu trùng lặp, xác định rõ mục tiêu, phạm vi dữ liệu, lộ trình triển khai đối với các cơ sở dữ liệu xây dựng mới làm căn cứ để triển khai thống nhất từ Trung ương tới địa phương.

c) Tổ chức tạo lập, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định.

d) Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn để kết nối, chia sẻ các dữ liệu theo lĩnh vực quản lý; hoàn thiện các quy định về quản trị dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu đầu vào, cơ chế chia sẻ, kết nối liên thông dữ liệu thuộc phạm vi quản lý với Trung tâm dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Công an.

đ) Sử dụng hạ tầng dữ liệu, hạ tầng tính toán và hạ tầng AI dùng chung quốc gia theo lộ trình; hạn chế đầu tư phân tán, trùng lặp; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và an toàn.

e) Bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia tại bộ, ngành mình.

g) Giao đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

h) Đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách cho việc triển khai Chiến lược dữ liệu, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan đến xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành hằng năm.

i) Tăng cường hợp tác với các tổ chức và đối tác quốc tế để chia sẻ, học hỏi kiến thức, kinh nghiệm quản lý, quản trị dữ liệu, khai thác sử dụng dữ liệu và nguồn lực liên quan đến phát triển dữ liệu.

k) Chủ động phối hợp, hỗ trợ với các nước trong các cơ hội hợp tác phát triển dữ liệu nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường đầu ra cho các sản phẩm, dịch vụ dữ liệu của doanh nghiệp Việt Nam.

l) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; phối hợp với Bộ Công an và cơ quan có thẩm quyền trong công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật hiện hành. Tổ chức rà soát, cập nhật Chiến lược dữ liệu của địa phương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Chiến lược dữ liệu quốc gia.

b) Rà soát, đánh giá toàn diện các cơ sở dữ liệu đã xây dựng, đang xây dựng, cần xây dựng mới, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do các bộ, ngành xây dựng, bảo đảm khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, khung kiến trúc dữ liệu, từ điển dữ liệu dùng chung.

c) Tổ chức tạo lập, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu thông qua Trung tâm dữ liệu quốc gia và Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định.

d) Bố trí nguồn lực, kiện toàn đầu mối, lực lượng chuyên trách về dữ liệu; tổ chức triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

đ) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai Chiến lược tại địa phương; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; phối hợp với Bộ Công an và cơ quan có thẩm quyền trong công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược.

5. Các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp nhà nước chủ chốt có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể.

b) Tham gia góp ý, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp trong quản lý dữ liệu; phối hợp với cơ quan nhà nước trong ứng dụng, thử nghiệm, chuyển giao, làm chủ dữ liệu tại Việt Nam.

c) Chủ động đầu tư, nghiên cứu, phát triển, làm chủ và ứng dụng các công nghệ số chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ mới nổi; phát huy vai trò dẫn dắt của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước chủ chốt trong hình thành hệ sinh thái và chuỗi giá trị công nghệ số trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng, phát triển, thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam.

6. Các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các tổ chức khác có liên quan có trách nhiệm:

a) Chủ động tham gia thực hiện Chiến lược thông qua đầu tư, nghiên cứu, phát triển, cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu và các hoạt động hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án thuộc Chiến lược; tham gia góp ý, phản biện, đề xuất sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chiến lược.

c) Tham gia truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, phổ cập tri thức số, hỗ trợ cộng đồng, người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thụ hưởng thành quả của chuyển đổi số.

d) Tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình tham gia thực hiện Chiến lược.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030".

3. Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án đang triển khai theo Quyết định số 142/QĐ-TTg tiếp tục được thực hiện cho đến khi hoàn thành hoặc được điều chỉnh, tích hợp theo Chiến lược này. Các cơ quan có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh các nội dung không còn phù hợp, bảo đảm thống nhất với Quyết định này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng

Phụ lục I

HỆ THỐNG MỤC TIÊU THUỘC CHIẾN LƯỢC DỮ LIỆU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
A	**MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030**		
I	**Nhóm mục tiêu về hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị dữ liệu**		
1.	Hoàn thành 100% việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật cốt lõi (Luật, Nghị định, Thông tư) và ban hành đầy đủ hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu.	Bộ Công an	Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
2.	100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc ban hành Chiến lược dữ liệu, Khung kiến trúc dữ liệu và Khung quản trị, quản lý dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
3.	100% Từ điển dữ liệu của bộ, ngành, địa phương được công bố, kết nối và tuân thủ thống nhất Từ điển dữ liệu quốc gia dùng chung.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
4.	100% bộ, ngành, địa phương được đánh giá, xếp hạng hằng năm về mức độ phát triển và chất lượng dữ liệu.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
5.	100% cơ quan, tổ chức xử lý từ 01 triệu bản ghi dữ liệu trở lên được kiểm toán dữ liệu định kỳ với chu kỳ 02 năm một lần.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
II	**Nhóm mục tiêu về phát triển cơ sở dữ liệu và nền tảng dữ liệu dùng chung**		
6.	100% cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu và dữ liệu dùng chung thuộc danh mục được phê duyệt hoàn thành việc số hóa, chuẩn hóa, làm sạch theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống".	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
7.	Bảo đảm 100% thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp dựa trên việc khai thác, sử dụng lại thông tin từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để thực hiện triệt để nguyên tắc "dữ liệu thay giấy tờ".	Bộ Tư pháp	Bộ Công an; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
III	**Nhóm mục tiêu về phát triển hạ tầng dữ liệu và hạ tầng tính toán quốc gia**		

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
8.	Hoàn thành xây dựng, đưa vào vận hành 03 Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình.	Bộ Công an	Bộ Xây dựng; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan
9.	100% cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu sử dụng hạ tầng dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao (HPC), hạ tầng trí tuệ nhân tạo và các nền tảng dùng chung quốc gia theo lộ trình.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
10.	Bảo đảm 100% dữ liệu cốt lõi và nền tảng số trọng yếu được thiết lập cơ chế dự phòng nhiều lớp, có khả năng duy trì hoạt động liên tục và khôi phục các dịch vụ dữ liệu thiết yếu trong thời gian không quá 04 giờ sau khi xảy ra sự cố, thảm họa.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
11.	100% dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng và nền tảng số trọng yếu thuộc diện phải sao lưu, dự phòng được lưu trữ dự phòng tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
IV	**Nhóm mục tiêu về phát triển dữ liệu và hạ tầng phục vụ trí tuệ nhân tạo**		
12.	100% tập dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở quốc gia được chuẩn hóa, bảo đảm dễ tiếp cận, dễ khai thác và có khả năng sử dụng lại phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo (AI).	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
13.	100% bộ dữ liệu thuộc Danh mục bộ dữ liệu phục vụ phát triển AI được chuẩn hóa, làm sạch, gắn nhãn, ẩn danh theo quy định và tích hợp lên Kho dữ liệu AI quốc gia.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
14.	Khai thác Kho dữ liệu AI để hỗ trợ ít nhất 1.000 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp AI và công nghệ dữ liệu Việt Nam.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
15.	Phát triển thành công tối thiểu 150 sản phẩm, dịch vụ dữ liệu và mô hình AI "Make in Vietnam".	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
V	**Nhóm mục tiêu về phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và thị trường dữ liệu**		

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
16.	100% cơ quan nhà nước cấp bộ, cấp tỉnh cung cấp dữ liệu mở đảm bảo chất lượng.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
17.	100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc xây dựng Danh mục dữ liệu mở và thực hiện công bố dữ liệu mở thường xuyên trên Cổng dữ liệu mở quốc gia.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
18.	90% di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được số hóa, hình thành thư viện số, di sản số và hiện diện trên môi trường số.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
19.	Hoàn thiện 100% cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội cho người lao động.	Bộ Tài chính	Bộ Công an, Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
20.	Kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập của ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến bảo đảm hỗ trợ cho 100% người học và nhà giáo.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
21.	95% dữ liệu về y tế được chuẩn hóa, tổ chức và quản lý thống nhất.	Bộ Y tế	Bộ Công an; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
22.	Vận hành tối thiểu 05 sàn dữ liệu thành phần, vùng hoặc chuyên ngành theo quy định của pháp luật.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
23.	Phát triển ít nhất 1.000 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ dữ liệu, phân tích dữ liệu, nền tảng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
24.	Phát triển tối thiểu 30 tổ chức trung gian dữ liệu tham gia thu thập, xử lý, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, phân tích và khai thác dữ liệu.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
VI	**Nhóm mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực dữ liệu**		
25.	Đào tạo, bồi dưỡng tối thiểu 50.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức có năng lực quản trị, phân tích và khai thác dữ liệu.	Bộ Công an	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
			ngang bộ, UBND cấp tỉnh
26.	Hình thành đội ngũ tối thiểu 5.000 chuyên gia dữ liệu nòng cốt trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và tổ chức khoa học và công nghệ.	Bộ Công an	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
27.	Có trên 50 cơ sở giáo dục đại học đào tạo các ngành, chuyên ngành về khoa học dữ liệu, quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, điện toán hiệu năng cao và an ninh dữ liệu.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
VII	**Nhóm mục tiêu về bảo đảm an ninh và chủ quyền dữ liệu**		
28.	Đưa vào vận hành Hệ thống giám sát an ninh dữ liệu quốc gia hoạt động 24/7 để quản trị, điều phối tập trung; bảo đảm 100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương được kết nối giám sát, cảnh báo sự cố.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
29.	100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương được phê duyệt cấp độ, kết nối giám sát, cảnh báo sự cố và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
30.	100% cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống dữ liệu trọng yếu được thiết lập và áp dụng cơ chế kiểm soát toàn bộ vòng đời dữ liệu.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
B	**MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2045**		
31.	100% hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị và điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước được hỗ trợ bởi dữ liệu.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
32.	100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp toàn trình trên môi trường điện tử; tối thiểu 90% dịch vụ công thiết yếu được cung cấp chủ động, tự động hoặc cá nhân hóa trên cơ sở dữ liệu.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
33.	100% dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng và nền tảng số trọng yếu được sao lưu, dự phòng theo quy định.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
34.	Việt Nam thuộc nhóm 30 quốc gia dẫn đầu về năng lực quản trị, khai thác dữ liệu và phát triển trí tuệ nhân tạo.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an, các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh

Phụ lục II

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHIẾN LƯỢC DỮ LIỆU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
I.	**XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH**				
1.	Nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Dữ liệu và các văn bản quy phạm pháp luật về dữ liệu bảo đảm phù hợp với lộ trình phát triển.	Hồ sơ đề nghị xây dựng luật/sửa luật; dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung; báo cáo rà soát pháp lý.	Bộ Công an	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2027
2.	Xây dựng, ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu.	Nghị định của Chính phủ.	Bộ Công an	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2027
3.	Xây dựng Thông tư quy định về phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo trình tự rút gọn.	Thông tư của Bộ Tài chính/Bộ Công an theo thẩm quyền.	Bộ Tài chính	Bộ Công an, Bộ Tư pháp, các bộ liên quan.	2026 - 2027
4.	Xây dựng định mức kinh tế, kỹ thuật về dữ liệu phục vụ AI; đầu tư, xây dựng và quản trị, vận hành, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về AI.	Định mức kinh tế, kỹ thuật về dữ liệu phục vụ AI; Cơ sở dữ liệu quốc gia về AI được xây dựng, vận hành.	Bộ Công an	Bộ Tài chính, các bộ liên quan.	2026 - 2027
5.	Sửa đổi Quyết định số 20/2025/QĐ-TTg về danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng.	Quyết định sửa đổi, bổ sung của Thủ tướng Chính phủ.	Bộ Công an	Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương.	2026

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
6.	Nghiên cứu, đề xuất ban hành Nghị quyết đặc thù của Quốc hội về Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Đề xuất báo cáo cấp có thẩm quyền.	Bộ Công an	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, các bộ liên quan.	2026 - 2027
7.	Hoàn thiện thể chế, tiêu chuẩn, quy chuẩn và cơ chế quản lý dữ liệu mở.	Thể chế, tiêu chuẩn, quy chuẩn và cơ chế quản lý, sử dụng dữ liệu mở.	Bộ Công an	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, địa phương.	Từ 2026, hằng năm
8.	Xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện danh mục dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực, địa phương.	Danh mục dữ liệu mở được xây dựng, cập nhật.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Công an.	2026 - 2027
9.	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Kiểm soát thủ tục hành chính.	Hồ sơ đề nghị xây dựng luật.	Bộ Tư pháp	Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2027
10.	Xây dựng, triển khai cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ theo mô hình phối hợp giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, làm chủ và thương mại hóa công nghệ lõi, công nghệ chiến lược.	Cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp có liên quan.	2026 - 2027
11.	Nghiên cứu, xây dựng môi trường thử nghiệm công nghệ cho các bộ, ngành, địa phương tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Cơ chế môi trường thử nghiệm công nghệ.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2027
12.	Nghiên cứu, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn về ẩn danh hóa, vô danh hóa, mã hóa dữ liệu.	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hướng dẫn kỹ thuật về ẩn danh hóa, vô danh hóa, mã hóa	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2027

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
		dữ liệu và công nghệ bảo vệ quyền riêng tư.			
13.	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế sử dụng nguồn lực nhà nước, Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia và các nguồn lực hợp pháp khác để tiếp cận, khai thác, sử dụng các tập dữ liệu có giá trị cao.	Cơ chế sử dụng nguồn lực nhà nước, Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia và các nguồn lực hợp pháp khác.	Bộ Công an	Bộ Tài chính.	2026 - 2027
14.	Xây dựng cơ chế phối hợp, phản ứng nhanh liên ngành đối với các sự cố mất an ninh, an toàn dữ liệu, lộ lọt dữ liệu quy mô lớn.	Cơ chế phối hợp, phản ứng nhanh liên ngành đối với sự cố mất an ninh, an toàn dữ liệu, lộ lọt dữ liệu quy mô lớn.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2027
15.	Nghiên cứu, hoàn thiện quy định về kiểm tra, giám sát và kiểm toán dữ liệu định kỳ đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xử lý dữ liệu quy mô lớn hoặc có mức độ rủi ro cao.	Quy định về kiểm tra, giám sát và kiểm toán dữ liệu.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2027
II.	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ NỀN TẢNG DỮ LIỆU QUỐC GIA**				
16.	Xây dựng, vận hành và quản trị 03 Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình; nghiên cứu, đề xuất xây dựng, triển khai trung tâm dữ liệu dự phòng chiến lược quốc gia.	Hoàn thành xây dựng 03 Trung tâm dữ liệu quốc gia; Đề xuất đề án trung tâm dữ liệu dự phòng chiến lược.	Bộ Công an	Bộ Xây dựng, các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
17.	Triển khai, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và ứng dụng số kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và ứng dụng số được kết nối.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Công an	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
18.	Xây dựng và phát triển hạ tầng trí tuệ nhân tạo dùng chung phục vụ Chính phủ.	Nền tảng AI dùng chung; mô hình AI cốt lõi phục vụ Chính phủ; dịch vụ AI dùng chung cho các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
19.	Xây dựng hạ tầng truyền dẫn dữ liệu cấp quốc gia theo thời gian thực, bảo đảm các Trung tâm dữ liệu quốc gia được kết nối, chia sẻ, đồng bộ và điều phối dữ liệu.	Hạ tầng truyền dẫn dữ liệu cấp quốc gia theo thời gian thực được xây dựng, vận hành.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
20.	Phát triển hạ tầng tính toán hiệu năng cao và AI dùng chung tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, bao gồm hạ tầng tính toán hiệu năng cao (HPC), nền tảng, mô hình và dịch vụ AI cốt lõi, phục vụ phát triển, huấn luyện, triển khai và ứng dụng AI.	Hạ tầng tính toán hiệu năng cao và AI dùng chung tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ.	2026 - 2030
21.	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế trong thu thập, xử lý dữ liệu; thúc đẩy phát triển hạ tầng tính toán biên (Edge Computing), cơ chế hợp tác công - tư (PPP), cơ chế thử nghiệm AI có kiểm soát (AI Sandbox) và cơ chế tiếp cận hạ tầng HPC, dữ liệu AI.	Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế trong thu thập, xử lý dữ liệu được áp dụng.	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
22.	Xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc phòng phục vụ lưu trữ, chia sẻ, tích hợp, phân	Hạ tầng dữ liệu quốc phòng được kết nối, tích hợp, phân tích,	Bộ Quốc phòng	Bộ Công an.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
	tích, khai thác và điều phối đối với dữ liệu thuộc lĩnh vực quốc phòng.	khai thác và điều phối dữ liệu.			
23.	Hoàn thiện, vận hành nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia thống nhất.	Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia được hoàn thiện.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
III.	**PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU**				
24.	Ưu tiên hoàn thiện, phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các bộ dữ liệu trọng yếu, có giá trị cao.	Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và bộ dữ liệu trọng yếu được xây dựng, hoàn thiện, đưa vào khai thác.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Công an.	2026 - 2030
25.	Thường xuyên rà soát, xác định danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu và danh mục dữ liệu dùng chung.	Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu và dữ liệu dùng chung được ban hành, cập nhật.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Công an.	2026 - 2030
26.	Tổ chức, tạo lập, chuẩn hóa, làm sạch, làm giàu và quản trị thống nhất dữ liệu theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".	Dữ liệu gốc, dữ liệu chuẩn, dữ liệu tham chiếu chuẩn được tổ chức, tạo lập, chuẩn hoá, làm giàu và quản trị thống nhất.	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh	Bộ Công an.	2026 - 2030
27.	Nghiên cứu hình thành không gian dữ liệu chung (Data Spaces) trong một số lĩnh vực trọng điểm.	Mô hình thí điểm không gian dữ liệu chung (Data Spaces)	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
		trong một số lĩnh vực trọng điểm.			
28.	Xây dựng, công bố, ban hành, chuẩn hóa và vận hành Từ điển dữ liệu quốc gia dùng chung để chuẩn hóa dữ liệu trên phạm vi toàn quốc.	Từ điển dữ liệu quốc gia; từ điển dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
29.	Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác; thực hiện nguyên tắc "dữ liệu thay giấy tờ".	Các dịch vụ công, thủ tục hành chính khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Công an.	2026 - 2030
30.	Triển khai Danh mục bộ dữ liệu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực thiết yếu.	Danh mục bộ dữ liệu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo được thiết lập.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
31.	Thiết lập cơ chế bắt buộc sao lưu, dự phòng đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng và các nền tảng số trọng yếu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Quy định, quy chế dự phòng bắt buộc; hệ thống sao lưu, dự phòng tại TTDLQG.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
32.	Hằng năm tổ chức đánh giá, xếp hạng chất lượng dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.	Báo cáo xếp hạng hằng năm.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	Từ 2026, hằng năm
33.	Đưa vào vận hành Cổng dữ liệu mở quốc gia; hướng dẫn, giám sát và đánh giá chất lượng dữ liệu mở của các bộ, ngành, địa phương.	Cổng dữ liệu mở quốc gia; báo cáo đánh giá chất lượng dữ liệu mở; hướng dẫn kỹ thuật.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
34.	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống phục vụ kiểm tra, kiểm toán, giám sát và triển khai bảo đảm thực thi pháp luật về dữ liệu.	Hệ thống và bộ công cụ phục vụ kiểm tra, kiểm toán, giám sát, đánh	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
		giá việc tuân thủ pháp luật về dữ liệu.			
35.	Xây dựng Kho dữ liệu AI quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; phát triển, huấn luyện, kiểm thử và triển khai các mô hình AI.	Kho dữ liệu AI quốc gia được xây dựng; các mô hình AI được phát triển, huấn luyện.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
IV.	**PHÁT TRIỂN KINH TẾ DỮ LIỆU VÀ THỊ TRƯỜNG DỮ LIỆU**				
36.	Tổ chức xây dựng và đưa vào vận hành 05 sàn giao dịch dữ liệu; ưu tiên thí điểm trong một số lĩnh vực trọng điểm và nhu cầu thực tiễn.	05 sàn giao dịch dữ liệu.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
37.	Thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới dựa trên dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm như tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, nông nghiệp, công nghiệp, logistics, đô thị thông minh và dịch vụ công.	Các mô hình kinh doanh mới được thiết lập.	Các bộ, ngành, địa phương.	Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, các bộ liên quan.	2026 - 2030
38.	Nghiên cứu, thí điểm các mô hình định giá, giao dịch, thương mại hóa dữ liệu, cung cấp dịch vụ tính toán và phát triển các tổ chức trung gian dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu.	Mô hình được nghiên cứu, xây dựng và triển khai.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan.	2026 - 2030
V.	**PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DỮ LIỆU**				
39.	Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ về dữ liệu đối với các nội dung về quản trị dữ liệu, quản lý dữ liệu, an toàn, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, khai thác dữ liệu, ứng dụng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.	Khung chương trình, tài liệu, quy chế tổ chức đào tạo, đánh giá và cấp chứng chỉ về dữ liệu.	Bộ Công an	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
40.	Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực quản trị, phân tích, khai thác dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.	Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo.	Bộ Nội vụ	Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
41.	Đào tạo chuyên gia dữ liệu nòng cốt; phát triển các cơ sở giáo dục đại học các ngành, chuyên ngành về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, điện toán hiệu năng cao.	Danh sách/đề án phát triển chuyên gia dữ liệu nòng cốt, các cơ sở giáo dục đào tạo đại học.	Bộ Công an	Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
42.	Thành lập, kiện toàn đầu mối, lực lượng chuyên trách về dữ liệu và chuyển đổi số tại các đơn vị là chủ quản cơ sở dữ liệu.	Quyết định thành lập/kiện toàn; phương án bố trí lực lượng chuyên trách.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ, Bộ Công an.	2026 - 2030
43.	Xây dựng và áp dụng cơ chế đặc thù về tiền lương, thu nhập và đãi ngộ đối với lực lượng dữ liệu quốc gia.	Đề án/cơ chế đặc thù về tiền lương, thu nhập, đãi ngộ.	Bộ Nội vụ	Bộ Tài chính, Bộ Công an, các cơ quan liên quan	2026 - 2028
44.	Nghiên cứu cơ chế trao đổi, hợp tác nhân lực giữa khu vực công và khu vực tư nhân trong lĩnh vực dữ liệu, AI và công nghệ số.	Chương trình trao đổi, hợp tác nhân lực.	Bộ Công an	Bộ Nội vụ, các cơ quan liên quan.	2026 - 2030
45.	Thúc đẩy liên kết Nhà nước - doanh nghiệp - cơ sở đào tạo - viện nghiên cứu và tổ chức khoa học và công nghệ trong phát triển nguồn nhân lực dữ liệu.	Chương trình truyền thông, đào tạo, liên kết hệ sinh thái dữ liệu.	Bộ Công an	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội Dữ liệu quốc gia, doanh nghiệp.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
46.	Hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức quốc tế để tạo cơ hội thực hành, thực tập, trao đổi chuyên gia và kỹ thuật, cũng như tiếp cận với những công nghệ và phương pháp mới, tiên tiến nhất của thế giới về dữ liệu.	Chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế; biên bản ghi nhớ (MOU), thỏa thuận hợp tác; chương trình đào tạo, trao đổi chuyên gia.	Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp	Các tổ chức quốc tế và cơ sở đào tạo, nghiên cứu có liên quan.	Thường xuyên
VI.	**BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG, AN NINH DỮ LIỆU, AN TOÀN DỮ LIỆU VÀ CHỦ QUYỀN DỮ LIỆU QUỐC GIA**				
47.	Tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu quốc gia.	Kế hoạch, phương án, quy trình bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu.	Bộ Công an	Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
48.	Xây dựng, vận hành Hệ thống giám sát an ninh dữ liệu quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, thực hiện giám sát đối với các hệ thống và luồng dữ liệu quan trọng.	Hệ thống giám sát an ninh dữ liệu được vận hành.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
49.	Xây dựng hạ tầng bảo vệ và mã hóa dữ liệu toàn diện, bảo đảm dữ liệu được bảo vệ trong quá trình tạo lập, truyền dẫn, lưu trữ, xử lý, chia sẻ và khai thác.	Hạ tầng bảo vệ và mã hóa dữ liệu.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
50.	Xây dựng phương án bảo đảm tính toàn vẹn, tính sẵn sàng và khả năng phục hồi của dữ liệu trong mọi tình huống.	Phương án được xây dựng.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
51.	Thực hiện nghiên cứu, xây dựng công cụ kiểm thử, đánh giá kỹ thuật và an toàn đối với mô hình AI.	Công cụ kiểm thử, đánh giá kỹ thuật và an toàn đối với mô hình AI.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
52.	Xây dựng cơ chế kiểm soát, giám sát và minh bạch hóa hoạt động khai thác dữ liệu; tích hợp chức năng nhật ký truy cập và quản lý ủy quyền dữ liệu trên nền tảng VNeID hoặc nền tảng định danh số phù hợp.	Cơ chế kiểm soát, giám sát và minh bạch hóa hoạt động khai thác dữ liệu được xây dựng.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2030
53.	Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ tăng cường bảo vệ quyền riêng tư trong xử lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu.	Các công nghệ tăng cường bảo vệ quyền riêng tư trong xử lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp công nghệ.	2026 - 2030
54.	Kiện toàn lực lượng chuyên trách, nâng cao năng lực kỹ thuật và thiết lập cơ chế phối hợp giữa cơ quan trung ương, địa phương, doanh nghiệp và các đơn vị vận hành hạ tầng dữ liệu trong bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và ứng cứu sự cố.	Lực lượng chuyên trách được kiện toàn.	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ.	Thường xuyên
VII.	**ỨNG DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG HỢP QUỐC GIA**				
55.	Tập trung khai thác Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia phục vụ cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; triển khai cơ chế "dữ liệu thay giấy tờ", "khai một lần, sử dụng nhiều lần"; phát triển dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công chủ động trên cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ, xác thực và sử dụng thống nhất.	Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia được đưa vào khai thác; các dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công chủ động được triển khai.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2026 - 2027

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
56.	Tập trung khai thác, phân tích và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia phục vụ công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và điều hành quốc gia.	Dịch vụ khai thác dữ liệu; nền tảng chia sẻ dữ liệu.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2027 - 2028
57.	Đẩy mạnh khai thác, sử dụng lại Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số và các mô hình kinh doanh mới dựa trên dữ liệu; hỗ trợ phát triển thị trường dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu, các dịch vụ dữ liệu và hệ sinh thái doanh nghiệp dữ liệu.	Dịch vụ khai thác dữ liệu; thị trường dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu, các dịch vụ dữ liệu và hệ sinh thái doanh nghiệp dữ liệu được phát triển.	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương.	2028 - 2030
58.	Tổ chức khai thác, quản trị và sử dụng hiệu quả các bộ dữ liệu lớn, dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung và dữ liệu chuyên ngành phục vụ phát triển, huấn luyện, kiểm thử và ứng dụng AI.	Các bộ dữ liệu lớn, dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung và dữ liệu chuyên ngành được khai thác, quản trị và sử dụng hiệu quả.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan.	2028 - 2030 và các năm tiếp theo.
VIII.	**TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ DỮ LIỆU**				
59.	Hoàn thiện và tổ chức thực thi hiệu quả cơ chế hợp tác, kết nối, chia sẻ và chuyển dữ liệu xuyên biên giới.	Cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn về kết nối, chia sẻ và chuyển dữ liệu xuyên biên giới được ban hành, hoàn thiện.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan.	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
60.	Thiết lập, mở rộng quan hệ đối tác chiến lược với các quốc gia, tổ chức quốc tế và tập đoàn công nghệ có thế mạnh về dữ liệu.	Chương trình, thỏa thuận hợp tác quốc tế; các chương trình chuyển giao công nghệ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về dữ liệu được triển khai.	Bộ Ngoại giao	Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành liên quan.	Thường xuyên
61.	Tham gia các diễn đàn, tổ chức và sáng kiến quốc tế về dữ liệu; tham gia xây dựng các nguyên tắc, tiêu chuẩn và cơ chế quản trị dữ liệu.	Tham gia các diễn đàn, sáng kiến quốc tế.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành liên quan.	Thường xuyên
62.	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, các tập đoàn công nghệ toàn cầu và chuyên gia quốc tế hàng đầu.	Cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực dữ liệu, AI và hạ tầng số được ban hành, triển khai.	Bộ Nội vụ	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an.	2026 - 2030
63.	Nghiên cứu, triển khai các giải pháp đưa Việt Nam trở thành trung tâm dữ liệu của khu vực ASEAN.	Đề án phát triển Việt Nam trở thành trung tâm dữ liệu khu vực ASEAN; các chương trình, dự án thu hút đầu tư trung tâm dữ liệu và dịch vụ dữ liệu khu vực được triển khai.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành liên quan.	2026 - 2030